TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/10/2021

V/v: "*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng''*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thanh Thúy

Ông Trần Văn Hưng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Mai Chiến Trực

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*: ông Huỳnh Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2021/TLST- HNGĐ ngày 14/6/2021 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị ***Lê Kim Hồng***, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã AH, huyện T, tỉnh BT.

- Bị đơn: Anh ***Nguyễn Anh T***, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 1, xã Đ, thành phố BT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồng trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 2004, hôn nhân do cả hai tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh cách nay khoảng 05 tháng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng thường xuyên nhậu nhẹt về có đôi lần đánh vợ con. Hai vợ chồng

có khuyên can nhưng không được… Anh chị ly thân cách nay 05 tháng. Hiện nay tình cảm của chị đối với chồng không còn. Nay chị cương quyết xin được không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Lê Như Y, sinh ngày 31/7/2005 và Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 24/3/2007. Chị H xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho hai cháu cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị H khai không có

Về nợ chung: chị H khai không có.

***** *Tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2021 anh T trình bày***:** Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn nhưng hai anh chị không có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh cách nay 03 tháng, nguyên nhân do vợ anh có quan hệ với người đàn ông khác, anh cũng có đánh vợ. Hiện nay tình cảm của anh đối với vợ vẫn còn. Nay anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Lê Như Y, sinh ngày 31/7/2005 và Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 24/3/2007. Anh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi và anh cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng

Về tài sản chung: hai bên tụ thỏa thuận.

Về nợ chung: anh T khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận vợ chồng. Chị H được tiếp tục nuôi hai con chung, anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 20/5/2021 chị Lê Kim H có đơn với anh Nguyễn Anh T, anh T đang cư trú tại thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, anh T có mặt tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng những lần Tòa triệu tập sau đó anh vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[3] Chị Lê Kim H và anh Nguyễn Anh T kết hôn năm 2004, hôn nhân do cả hai tự nguyện, tuy nhiên anh chị không có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẩn phát sinh cách nay khoảng 03 tháng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên nhậu nhẹt về có đôi lần đánh vợ con. Hai vợ chồng có khuyên can nhưng không được… Anh chị ly thân cách nay 06 tháng. Hiện nay tình cảm của chị H đối với anh T không còn. Nay chị H cương quyết xin được không công nhận là vợ chồng. Anh T cho rằng nguyên nhân do vợ anh có quan hệ với người đàn ông khác, anh thừa nhận có đánh vợ… Hiện nay tình cảm của anh đối với vợ vẫn còn. Nay anh không đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên, từ khi Tòa hòa giải đến nay anh T cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị H.

[4] Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Lê Như Y, sinh ngày 31/7/2005 và Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 24/3/2007. Anh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi và anh cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Cháu Y và cháu Q có nguyện vọng xin được sống với mẹ do đó nghĩ nên tiếp tục nuôi giao hai cháu cho chị H là phù hợp với qui định của pháp luật.

Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi nghĩ nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: cả hai khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị H phải nộp. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; 15; 16; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim H, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Không công nhận chị ***Lê Kim H*** và anh ***Nguyễn Anh T*** là vợ chồng.

- *Về con chung*: có 02 cháu tên Nguyễn Lê Như Y, sinh ngày 31/7/2005 và Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 24/3/2007.

Chị Hồng được tiếp tục nuôi cháu có 02 cháu tên Nguyễn Lê Như Y, và Nguyễn Lê Như Q.

Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: hai bên tự thỏa thuận

- *Về nợ chung*: cả hai khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị H phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005397 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng)

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng **Dương Thị Thanh Thúy** **Nguyễn Duy Phong**

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Phong

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng anh Thiệt không có mặt theo thông báo hòa giải nên không thể tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Thiệt để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Thiệt là phù hợp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*: Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Chị Xuân được tiếp tục nuôi con chung, ghi nhận việc chị không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung chị Xuân khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.